

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLEI
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HS-ST

Ngày: 25 – 3 – 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLEI, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đình Tài.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Khang; Ông Nguyễn Văn Vững.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy An - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Y L** (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nữ; sinh ngày 15 tháng 10 năm 1976 tại huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum; Nơi đăng ký NKTT: Thôn 14B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Dẻ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A V (đã chết) và bà Y L; Có chồng là Lê Tiến T, sinh năm: 1976, có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2010. Trước khi phạm tội, bị cáo là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng từ ngày 13/02/2020.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 23/6/2020, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Đăk Glei xử phạt 07 (bảy) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Bị cáo đang chấp hành án phạt tù tại Trại tạm giam Công an tỉnh Kon Tum theo Quyết định thi hành án số 12 ngày 24/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đăk

Glei, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Bà Y G (*Đã chết*).

+ Ông A K; sinh năm 1950.

Địa chỉ: Thôn R, xã Đăk N, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (*Có mặt*).

Đại diện hợp pháp của bị hại đã chết:

Gia đình người bị hại đã thống nhất cử ông A K, sinh năm 1950, địa chỉ: Thôn R, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (Là chồng của bà Y G) tham gia tố tụng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Y C; sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn R, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (*Có mặt*)

+ Anh Lê Tiến T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn 14B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (*Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

- Người làm chứng: Chị Y Ng, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn 14A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2014, vì có quen biết từ trước nên bà Y G (sinh năm 1965; HKTT: thôn R, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum) đã nhờ Y L (sinh năm 1976; HKTT: Thôn 14A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum đang giữ chức vụ Trưởng Phòng Nội vụ huyện Đăk Glei) giúp đỡ cho Y C (sinh năm 1993; HKTT: Thôn R, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum, là con của bà Y G) trúng tuyển biên chế viên chức ngành giáo dục tại huyện Đăk Glei. Y L đồng ý và hứa hẹn sẽ giúp Y C trúng tuyển vì bản thân là Trưởng Phòng Nội vụ sẽ là Phó Chủ tịch Hội đồng thi tuyển viên chức, đồng thời có quan hệ với nhiều người giữ chức vụ nên có thể tác động để giúp Y C trúng tuyển. Y L đã tạo niềm tin và gợi ý để bà Y G đưa tiền nhưng không nói rõ là bao nhiêu. Bà Y G cùng với Y C và cháu gái là Y N (sinh năm: 1972; HKTT: Thôn 14A, xã Đ,

huyện Đ, tỉnh Kon Tum) đến nhà đưa cho Y L số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Y L đã nhận số tiền trên và hứa hẹn sẽ giúp Y C trúng tuyển biên chế khi huyện tổ chức thi tuyển. Tuy nhiên, tại kỳ thi tuyển viên chức ngành giáo dục năm học 2015 – 2016, Y L không nhờ ai, không đưa tiền cho ai và không thể tác động làm thay đổi kết quả thi do quy trình thi tuyển rất chặt chẽ. Y L mong rằng Y C có thể thi tự thi đậu bằng năng lực thì bản thân sẽ lấy được tiền nhưng kết quả Y C không trúng tuyển. Số tiền đã nhận của bà Y G thì Y L dùng để tiêu xài cá nhân. Sau khi biết kết quả thi, Y C cùng với bố đẻ là ông A K (sinh năm: 1950; HKTT: thôn R, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum, là chồng bà Y G (đã chết vào năm 2015) đến gặp Y L để hỏi lý do vì sao không trúng tuyển. Y L nói dối là do số tiền mà bà Y G đưa trước đây không đủ và hướng cho Y C thi tiếp lần sau nhưng phải đưa thêm 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) nữa, ông A K tin lời Y L và ra về.

Năm 2017, Y L được điều động giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy thị trấn Đăk Glei và không còn là thành viên của hội đồng thi tuyển viên chức. Năm 2018, ông A K cùng với Y C và Y N đến nhà đưa thêm cho Y L số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) để nhờ Y L giúp Y C trúng tuyển biên chế trong đợt tiếp theo. Y L biết mình không còn điều kiện, khả năng để tác động làm thay đổi kết quả thi do không còn nằm trong hội đồng thi tuyển nữa nhưng vẫn nhận tiền và hứa hẹn sẽ giúp Y C trúng tuyển, nếu không sẽ trả lại tiền. Tại kỳ thi tuyển viên chức ngành giáo dục năm học 2019 - 2020, Y L không liên hệ với ai, không đưa tiền cho ai để lo việc cho Y C mà để Y C tự thi bằng năng lực và mong rằng Y C sẽ tự thi đậu thì sẽ chiếm đoạt toàn bộ số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) đã nhận, kết quả thi Y C không trúng tuyển. Số tiền đã nhận của ông A K thì Y L dùng để tiêu xài cá nhân.

Ngày 18/6/2020, ông A K đến nhà Y L để đòi lại số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), Y L không có tiền trả nên đã viết giấy hẹn và giấy cam kết với nội dung đến ngày 25/6/2020 sẽ trả toàn bộ số tiền trên. Ngày 30/6/2020, ông A K đến nhà Y L để đòi tiền, Y L tiếp tục hứa hẹn và viết giấy cam kết đến ngày 30/7/2020 sẽ trả đủ số tiền cho ông A K, kèm theo là 01 (một) giấy CMND và 01 (một) Giấy chứng nhận trình độ Cao cấp lý luận Chính trị của Y L. Đến ngày 24/7/2020, ông A K viết đơn tố cáo Y L về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản gửi đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ.

Tại Cơ quan điều tra, Y L khai nhận toàn bộ quá trình thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bà Y G và ông A K từ năm 2014 đến năm 2018 với tổng số tiền là 200.000.000 đồng như trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu,

chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đồng thời là người đại diện hợp pháp của bị hại là ông A K đã được chồng của Y L là anh Lê Tiến T đứng ra hoàn trả 10.000.000 đồng. Ông A K yêu cầu Y L tiếp tục hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt còn lại là 190.000.000 đồng.

Cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 14/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glei truy tố bị cáo Y L về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a, khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung truy tố như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm a, khoản 3 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm c, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo từ 08 năm đến 09 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải tiếp tục hoàn trả cho ông A K số tiền 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng).

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

Lời nói sau cùng: Bị cáo biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật và rất hối hận, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Đắk Glei, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glei, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Tiến T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nêu rõ quan điểm. Nhận thấy sự vắng mặt của anh Thống không làm ảnh hưởng tới quá trình xét xử, lời khai của họ đã được thể hiện tại hồ sơ vụ án trong quá trình điều tra nên Hội đồng xét xử quyết

định vẫn tiến hành xét xử.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do cần tiền tiêu xài và vay mượn ngoài xã hội nhiều, từ năm 2014 đến năm 2018, mặc dù không thể tác động làm thay đổi kết quả thi tuyển viên chức ngành Giáo dục huyện Đ nhưng Y L (lúc này là Trưởng Phòng nội vụ huyện Đ và sau đó chuyển sang giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy thị trấn Đăk Glei) vẫn đưa ra thông tin gian dối và hứa hẹn sẽ “xin” được vào biên chế viên chức cho Y C (con ông A K và bà Y G (đã chết năm 2015) để gia đình ông A K tin tưởng đưa tiền cho mình và đã chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Hành vi trên của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Bị cáo đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn. Bản thân bị cáo đã từng kinh qua nhiều chức vụ, hiểu biết pháp luật nhưng vì vụ lợi cá nhân mà vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bên cạnh đó, tội phạm xâm phạm quyền sở hữu xảy ra ngày càng nhiều và đang là một vấn nạn nhức nhối trên địa bàn huyện Đăk Glei. Do vậy, cần phải xử phạt bị cáo với một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, buộc bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội đồng thời đáp ứng được yêu cầu rắn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 23/6/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Đăk Glei xử phạt 07 (bảy) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi đang giữ chức vụ Trưởng Phòng Nội vụ, đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn và tiếng nói của mình để

tạo lòng tin đối với bị hại để họ tin tưởng gửi gắm tài sản cho bị cáo. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đồng thời, bị cáo cùng một thủ đoạn đã 02 lần chiếm đoạt của ông A K và bà Y G (vào năm 2014 và năm 2018) số tiền 100.000.000 đồng/lần (trên 2.000.000 đồng) đều cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do vậy, cần căn cứ vào nhân thân và thái độ chấp hành pháp luật để áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đã tích cực tác động tới chồng khắc phục hậu quả, hoàn trả lại một phần tiền đã chiếm đoạt cho bị hại; Bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác, được tặng thưởng nhiều Bằng khen, Giấy khen và Kỷ niệm chương; Bố của bị cáo là ông A V được Chủ tịch Nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử nhận thấy cần cân nhắc áp dụng tình tiết tăng nặng và các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo khi lượng hình, nhằm đưa ra một bản án thích đáng để bị cáo thấy được sự nghiêm minh cũng như sự khoan hồng của pháp luật mà tích cực cải tạo, trở thành người công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, hiện bị cáo đang chấp hành hình phạt 07 (bảy) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2020/HS-ST ngày 23/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum. Do đó, hình phạt áp dụng đối với bị cáo tại Bản án này sẽ được Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của pháp luật để tổng hợp với hình phạt tại Bản án nêu trên và buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai Bản án.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hiện bị cáo đang phải chấp hành án phạt tù, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị hại đồng thời là đại diện hợp pháp của người bị hại là ông A K yêu cầu bị cáo tiếp tục hoàn trả số tiền 190.000.000 đồng (*Một trăm chín mươi triệu đồng*) mà bị cáo

đã chiếm đoạt. Tại phiên tòa, bị cáo cũng đồng ý hoàn trả số tiền còn lại theo yêu cầu của ông A K nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố Bị cáo Y L phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a, khoản 3 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm c, g khoản 1 Điều 52, Điều 38 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Y L 08 (tám) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 07 (bảy) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2020/HS-ST ngày 23/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai Bản án là 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án (ngày 31/7/2020).

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải hoàn trả cho ông A K số tiền 190.000.000 đồng (*Một trăm chín mươi triệu đồng*).

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không trả hoặc trả chưa đủ số tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Y L phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 9.500.000 đồng (*Chín triệu, năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng số tiền án phí bị cáo phải nộp là 9.700.000 đồng (*Chín triệu, bảy trăm nghìn đồng*).

4. Căn cứ Điều 331, 333 BLTTHS: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/3/2021). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo, Bị hại, Người CQLNVLQ;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đắk Glei;
- Công an tỉnh Kon Tum (P.Hồ sơ);
- Trại tạm giam CA tỉnh Kon Tum;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- CA huyện Đắk Glei;
- Chi cục THADS huyện Đắk Glei;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Đình Tài